

THỰC HIỆN BẢO ĐẢM AN NINH MÔI TRƯỜNG THEO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII

TRẦN NGỌC NGOẠN

Tóm tắt: An ninh môi trường luôn được xác định là vấn đề có tính thời sự trong điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trên thế giới và ở nước ta. Bảo đảm an ninh môi trường luôn được Đảng, Nhà nước ta quan tâm và được thể chế hóa trong các chính sách, pháp luật. Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội và toàn cầu hóa, an ninh môi trường của Việt Nam tiếp tục bị đe dọa nghiêm trọng do đối diện với hầu hết các thách thức từ biến đổi khí hậu, ô nhiễm đất, nước, không khí, mất rừng và suy giảm đa dạng sinh học... Nguồn gốc của các vấn đề trên có thể từ trong nội tại nền kinh tế, cũng có thể bắt nguồn từ bên ngoài nền kinh tế nước ta. Trên cơ sở nghiên cứu các quan điểm đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, bài báo khuyến nghị một số giải pháp nhằm góp phần thực hiện bảo đảm an ninh môi trường của nước ta trong thời gian tới.

Từ khóa: an ninh môi trường, bảo đảm an ninh môi trường, nghị quyết của Đảng

ENSURING ENVIRONMENTAL SECURITY ACCORDING TO THE RESOLUTION OF THE XIII CONGRESS OF THE COMMUNIST PARTY OF VIETNAM

Abstract: Environmental security is always identified as a topical issue in terms of socio-economic development in the world in general and Vietnam in particular. The Communist Party of Vietnam (CPV) and the State always pay special attention to ensuring environmental security. This is also institutionalized in State policies and laws. However, along with socio-economic development and globalization, Vietnam's environmental security continues to be seriously threatened due to facing most challenges from climate change and pollution of water, land, air, deforestation and biodiversity loss. The origin of the above problems could originate from internal sources, or from abroad. Based on research on the viewpoints and guidelines of the CPV and the State's legal policies, this article recommends a number of solutions to contribute to the implementation and strengthening of environmental security in our country over the coming years.

Keywords: environmental security, ensuring environmental security, Party resolution

1. Đặt vấn đề

An ninh môi trường (ANMT) là trạng thái ổn định và bền vững của môi trường có thể đáp ứng các điều kiện sống cơ bản của con người như cung cấp nơi ở, cung cấp năng lượng, nguyên liệu, cung cấp thông tin khoa học, cung cấp các tiện nghi môi trường và khả năng chấp nhận chất thải. Biểu hiện của môi trường bị mất an ninh là:

cạn kiệt tài nguyên, thiên tai thường xuyên, tài nguyên thiên nhiên suy thoái, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, suy giảm tầng ô zôn, suy giảm đa dạng sinh học (ĐDSH), biến đổi các chu trình sinh - địa... Vì vậy, nếu không giữ được an ninh môi trường thì những thảm họa môi trường sẽ gây suy yếu nền kinh tế, gia tăng đói nghèo, gia tăng bất ổn chính trị, trở thành

ngòi nổ cho các bất ổn xã hội, các cuộc xung đột, chiến tranh và thậm chí hủy diệt loài người.

Những năm qua, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn trên mọi lĩnh vực, nhất là nền kinh tế tăng trưởng nhanh, đời sống vật chất và tinh thần của người dân không ngừng được nâng cao. Tuy nhiên, quá trình phát triển kinh tế - xã hội đã bộc lộ nhiều bất cập và tạo ra nhiều áp lực lớn lên môi trường, các hệ sinh thái và đa dạng sinh học. Tình trạng ô nhiễm môi trường tiếp tục diễn biến phức tạp, với nhiều điểm nóng, chất lượng môi trường nhiều nơi suy giảm mạnh. Đáng lo ngại là các sự cố môi trường tiếp tục gia tăng nghiêm trọng, nhiều vụ ảnh hưởng trên phạm vi rộng, diễn biến phức tạp, ô nhiễm đất, nước, không khí từ các khu dân cư; khu công nghiệp, làng nghề; từ thành thị đến nông thôn; gia tăng ngập úng, lở đất, sụt lún nền đất và suy giảm đa dạng sinh học... gây khó khăn cho công tác quản lý và khắc phục hậu quả. Do đó, vấn đề an ninh môi trường của Việt Nam đang và tiếp tục bị đe dọa nghiêm trọng. Văn kiện Đại hội XIII đã chỉ rõ: “Chất lượng môi trường một số nơi tiếp tục xuống cấp, thích ứng với biến đổi khí hậu còn bị động, lúng túng. Các hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học tiếp tục suy giảm. Ngành công nghiệp và dịch vụ môi trường, tái chế chất thải, xử lý rác chậm phát triển, còn lạc hậu. Tình trạng nhập khẩu công nghệ lạc hậu, máy móc thiết bị, nguyên, nhiên, vật liệu không đạt chuẩn về môi trường chậm được khắc phục” [1; tr87].

2. Cơ sở dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở dữ liệu: Bài báo được thực hiện dựa trên cơ sở dữ liệu từ việc nghiên cứu các Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc từ Đại hội VI đến Đại hội XIII, các văn bản chỉ thị của Ban Chấp

hành Trung ương về các vấn đề liên quan đến an ninh môi trường, như Chỉ thị 36 CT/TW, Nghị quyết 24-NQ/TW, Nghị quyết số 41-NQ/TW... Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, các Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Luật Bảo vệ môi trường (BVMT)... Một số số liệu mang tính chất dẫn chứng, minh họa được dẫn lại từ các trang thông tin điện tử chính thức của Chính phủ, Quốc hội, của Tổng cục Thống kê... các báo cáo khoa học của các đề tài nghiên cứu các cấp, các bài báo khoa học được đăng tải trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín...

Phương pháp nghiên cứu: các phương pháp được sử dụng chủ yếu trong nghiên cứu là phân tích tổng hợp dữ liệu từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau có liên quan, thông qua phân tích những vấn đề môi trường liên quan đến phát triển kinh tế và xã hội. Đồng thời bài báo căn cứ trên quan điểm phát triển bền vững, các chủ trương, chính sách quản lý phát triển theo hướng bền vững của Đảng và Nhà nước để đề xuất khuyến nghị các giải pháp bảo đảm thực hiện an ninh môi trường ở nước ta trong thời gian tới.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Một số thách thức đối với an ninh môi trường ở Việt Nam hiện nay

Một là, biến đổi khí hậu đe dọa môi sinh

Một trong những vấn đề quan trọng hàng đầu của an ninh môi trường hiện nay là biến đổi khí hậu (BĐKH). Theo đánh giá về những nước chịu ảnh hưởng nặng nhất bởi các hiện tượng thời tiết cực đoan giai đoạn 1997 - 2016, Việt Nam đứng thứ 5 về Chỉ số rủi ro khí hậu toàn cầu và thứ 8 về Chỉ số rủi ro khí hậu dài hạn. Trong những năm gần đây, các hiện tượng thời tiết cực đoan xuất hiện quanh năm, trải dài rộng

khắp các miền của đất nước, trong đó điển hình là hiện tượng khô hạn và mưa cực đoan ở miền Trung, rét đậm và rét hại ở miền núi phía Bắc, hạn hán và xâm nhập mặn ở miền Nam [2]. Hiện tượng El-Nino, La-Nina ngày càng tác động mạnh mẽ đến Việt Nam, các tỉnh khu vực Nam Trung bộ phải đối mặt với tình trạng nắng nóng kéo dài, hạn hán nghiêm trọng, nguồn nước bị suy giảm nhanh; hứng chịu hàng chục cơn bão kèm theo lũ lụt, sạt lở đất để lại hậu quả nặng nề. Cùng với đó là nước biển dâng làm mất đất canh tác nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL)...

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong năm 2019 xâm nhập mặn đã ảnh hưởng đến 10/13 tỉnh ĐBSCL với phạm vi ảnh hưởng của xâm nhập mặn với ranh mặn 4g/l là 1.688.600 ha, chiếm 42,5% diện tích tự nhiên toàn vùng, cao hơn năm 2016 là 50.376 ha. Hạn, xâm nhập mặn đã làm cho khoảng 96.000 hộ, tương đương khoảng 430.000 nhân khẩu đang sinh sống tập trung tại 7 tỉnh ven biển (Bến Tre, Sóc Trăng, Kiên Giang, Long An, Trà Vinh, Bạc Liêu và Cà Mau) thiếu nước sinh hoạt [3].

Hai là, gia tăng chất thải và ô nhiễm môi trường

Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016 – 2020 đã chỉ rõ “Môi trường nước ta đã và đang chịu áp lực lớn từ các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, các nguồn ô nhiễm môi trường đang gia tăng nhanh về số lượng, quy mô và mức độ tác động. Ở bình diện quốc tế và cả trong nước, việc bảo vệ, phục hồi, phát triển bền vững hệ sinh thái tự nhiên và ĐDSH đã trở thành vấn đề cấp bách” [2]. Tình trạng ô nhiễm môi trường sống do các hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người gây bức xúc trong dư luận. Ô

nhiễm đất, ô nhiễm nước và ô nhiễm không khí đều đang vượt nhiều lần tiêu chuẩn cho phép ở các vùng địa lý trên cả nước; từ thành thị đến nông thôn; từ vùng núi đến đồng bằng ven biển và vùng biển... đặc biệt ở một số khu vực trọng điểm như khu công nghiệp, khu đô thị lớn, làng nghề, các lưu vực sông... đang rất đáng báo động.

Chất thải rắn (CTR) phát sinh gia tăng mạnh: giai đoạn 2016 - 2020, tổng khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh tại khu vực đô thị trong cả nước là 35.624 tấn/ngày; CTR y tế khoảng hơn 96 nghìn tấn/năm; CTR y tế nguy hại khoảng 24 nghìn tấn/năm, trong đó vùng Đông Nam Bộ phát sinh lượng chất thải rắn y tế nguy hại lớn nhất, chiếm 32% lượng phát sinh toàn quốc, tiếp đến là đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) 21% [2]; CTR công nghiệp khoảng 25 triệu tấn/năm, từ hoạt động làng nghề khoảng 14 - 17 tấn/ngày. Đặc biệt, chất thải nguy hại từ hoạt động sản xuất công nghiệp gia tăng nhanh chóng (năm 2019 khoảng 1.133.077 tấn, tăng 258.688 tấn so với năm 2018) [2]. CTR sinh hoạt đã và đang gia tăng về cả số lượng, thành phần và tính chất, gây áp lực rất lớn đến môi trường [4]; đặc biệt là tại các bãi chôn lấp, đã và đang là vấn đề bức xúc đối với xã hội. Tỷ lệ thu gom, xử lý đã có cải thiện nhưng chưa đồng đều giữa các địa phương. Việc áp dụng các công nghệ xử lý chất thải rắn còn nhiều hạn chế.

Ba là, xung đột môi trường nước và ô nhiễm nước mặt

An ninh nguồn nước ngày càng trở nên cấp bách, gay gắt, nhất là khi phần lớn nguồn nước phụ thuộc vào nước ngoài. Việt Nam có 697 sông, suối, kênh, rạch và 38 hồ là nguồn nước liên tỉnh, thuộc 16 lưu vực sông chính và 3.045 sông, suối thuộc các lưu vực sông nội tỉnh.

Trong số đó, khá nhiều sông xuyên biên giới như sông Mê Kông, sông Hồng, sông Bằng Giang - Kỳ Cùng, sông Mã, sông Cả, sông Sê San, sông Đồng Nai... Tổng lượng dòng chảy của các sông vào khoảng 830 – 840 tỷ m³ mỗi năm. Tuy nhiên, tài nguyên nước của Việt Nam bị phụ thuộc nhiều vào nguồn nước ngoại sinh. Các sông suối xuyên biên giới chuyển vào nước ta lượng nước khoảng 520 tỷ m³, chiếm khoảng 63% tổng lượng nước trung bình hằng năm của các hệ thống sông. Mặt khác, tài nguyên nước mặt của Việt Nam phân bố không đều cả về không gian và thời gian; khoảng 70 – 80% lưu lượng nước tập trung mùa mưa, trong khi đó lượng nước mùa khô chỉ chiếm khoảng 20 – 30% tổng lượng nước cả năm [2; tr50]. Phân bố nguồn nước không đồng đều trong lãnh thổ đang dẫn đến tình trạng căng thẳng về nước theo mùa với sự bất cân đối giữa cung, cầu và có xu hướng gia tăng làm cho công tác điều phối, phân bổ nguồn nước cho các mục đích phát triển rất khó khăn. Những trận hạn hán và lũ lụt dữ dội trong các năm gần đây ở miền Trung cho thấy khả năng chủ động nguồn nước vẫn còn nhiều bất cập. Với đặc điểm như vậy, Việt Nam cực kỳ nhạy cảm về an ninh môi trường với mọi hoạt động liên quan đến khai thác và sử dụng nguồn nước từ phía thượng lưu.

Ô nhiễm nước mặt: tình trạng ô nhiễm nước mặt diễn ra rộng khắp cả ở thành thị và nông thôn; ở các đô thị, được thể hiện rõ nhất ở hai Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội đang ở mức báo động rất cao. Lượng nước thải đô thị phát sinh ngày càng lớn, hầu hết không qua xử lý, xả trực tiếp ra môi trường, gây ô nhiễm nguồn nước mặt trong các đô thị, khu dân cư. Nhiều nguồn nước mặt đã hết khả năng tiếp nhận chất thải,

trong khi hàng ngày đang phải tiếp nhận một lượng lớn nước thải. Có thể nói “tất cả các dòng sông đều bẩn” từ loại B trở lên, nhiều dòng sông không còn khả năng tự làm sạch và bị biến thành nơi dẫn, tiêu thoát và chứa nước thải.

Ô nhiễm nước biển và suy thoái hệ sinh thái biển: Việt Nam cũng đang đối diện với nhiều thách thức như ô nhiễm đại dương và biển ngày càng trầm trọng. Vấn đề khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đang đứng trước nhiều thách thức và ở mức báo động, ảnh hưởng tới phát triển kinh tế - xã hội, sinh kế của người dân. Theo Báo cáo hiện trạng môi trường biển và hải đảo quốc gia giai đoạn 2016 - 2020, tài nguyên biển đang bị khai thác quá mức, thiếu tính bền vững. Ước tính, cỏ biển trên toàn vùng biển nước ta từ Quảng Ninh đến Hà Tiên đã mất khoảng 40 - 60%; rừng ngập mặn mất đến 70% và khoảng 11% các rạn san hô đã bị phá hủy hoàn toàn, không có khả năng tự phục hồi [6]. Đáng lưu ý, hệ sinh thái thảm cỏ biển là một trong những hệ sinh thái biển quan trọng, nhưng hiện nay đang đứng trước nguy cơ bị tổn thương và suy thoái.

Bên cạnh đó, trong vòng hơn 20 năm qua, Việt Nam đã mất 11% số rạn san hô; 48% số rạn san hô khác đang trong tình trạng suy thoái nghiêm trọng. Diện tích các rạn san hô bị mất, tập trung chủ yếu ở các vùng có dân cư sinh sống như Vịnh Hạ Long, các tỉnh ven biển miền Trung và một số đảo có người sinh sống nhiều nơi độ phủ giảm trên 30%. Sự suy giảm diện tích và những tổn thương của nhiều rạn san hô làm suy giảm đa dạng sinh học, sinh thái và chất lượng môi trường biển; thiệt hại cho ngành du lịch, thủy sản và sinh kế của các cộng đồng dân cư vùng ven biển [6].

Bốn là, “suy thoái rừng và đa dạng sinh học” đe dọa an ninh môi trường

Theo số liệu thống kê năm 2021, diện tích đất có rừng của nước ta đạt khoảng 14,7 triệu ha, với tỷ lệ che phủ 42% [7], trong đó rừng sản xuất là 7,3 triệu ha, rừng phòng hộ 5,2 triệu ha, rừng đặc dụng 2,2 triệu ha. Mặc dù tỷ lệ che phủ rừng nước ta có tăng lên, nhưng chất lượng rừng tự nhiên không cao và suy giảm nhanh, rừng phòng hộ chưa phát huy đầy đủ chức năng.

Trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2022, tổng diện tích rừng bị thiệt hại ước tính hơn 22.800 ha; trong đó, diện tích rừng bị cháy khoảng 13.700 ha, còn lại do bị chặt phá trái phép; bình quân mỗi năm, Việt Nam suy giảm khoảng 2.500 ha rừng [8].

Thực tế nạn chặt phá rừng đã khiến nguồn tài nguyên ngày càng cạn kiệt. Mất rừng được coi là một thảm họa quốc gia và hậu quả của việc phá rừng là làm gia tăng tình trạng biến đổi khí hậu, hạn hán, ô nhiễm môi sinh, đói kém...

Cùng với sự mất đi của rừng, sự suy giảm nhiều hệ sinh thái, các loài động thực vật hoang dã cũng đứng trước nguy cơ suy thoái về số lượng và nhiều loài đang trong tình trạng đe dọa bị tuyệt chủng. Phản ánh tình trạng nghiêm trọng của hiểm họa đối với sinh cảnh hoang dã ở Việt Nam, các số liệu cho thấy tổng số loài bị đe dọa là cao (350 loài thực vật và hơn 300 loài động vật có mặt trong sách đỏ Việt Nam đang ở trong tình trạng báo động). Nguy cơ mất đi 28% loài thú, 10% loài chim, 21% các loài bò sát và lưỡng cư tồn tại ở nước ta là hiện hữu [14].

Cùng với đó, biến đổi khí hậu đã và đang tác động, làm mất một diện tích rừng rất lớn do bị cháy, sạt lở rừng ven biển. Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau, giai đoạn

2011 - 2020, Cà Mau mất khoảng 4.950 ha rừng ven biển [8].

Rừng ngập mặn có vai trò quan trọng, là “lá phổi xanh” không thể thiếu để đảm bảo cho hệ sinh thái ven biển, song hiện nay diện tích rừng ngập mặn đang bị thu hẹp nghiêm trọng. Theo Tổ chức Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR), diện tích rừng ngập mặn ở Việt Nam đã suy giảm đáng kể trong giai đoạn 1943 - 2000, từ 450.000 ha năm 1943 xuống khoảng 155.290 ha vào năm 2000 [12]; và theo thống kê của ngành Lâm nghiệp, năm 2019 diện tích rừng ngập mặn của Việt Nam còn 256,3 nghìn ha, trong đó diện tích có rừng 150,1 nghìn ha (gồm: rừng tự nhiên: 54,7 nghìn ha, rừng trồng: 95,3 nghìn ha), diện tích chưa thành rừng 106,2 nghìn ha [13]. Sự suy giảm trầm trọng diện tích rừng ngập mặn đã kéo theo sự suy giảm đa dạng sinh học biển, đặc biệt mất bãi sinh sản và nơi cư ngụ của các loài thủy sinh.

Các vùng nước lớn ven biển và cửa sông của Việt Nam là nơi hội tụ rất nhiều nguồn cá cũng như các loại hệ sinh thái đa dạng. Nhưng do việc khai thác quá mức ở các vùng biển gần bờ với những phương thức đánh bắt lạc hậu, thậm chí huỷ diệt hàng loạt, quy hoạch sử dụng đất ven biển chưa tốt đã làm suy giảm đáng kể đa dạng sinh học biển. Các hệ sinh thái rạn san hô cũng đứng trước những nguy cơ bị tàn phá bởi con người.

Các hệ sinh thái và đa dạng sinh học tại Việt Nam nói chung đang phải đối diện với nhiều thách thức trước áp lực phát triển kinh tế, việc săn bắt, sử dụng trái phép động vật hoang dã và do tác động của BĐKH...

Năm là, ô nhiễm không khí

Ở Việt Nam, Báo cáo quan trắc của Bộ Tài nguyên và Môi trường [5] cho thấy, chỉ số chất

lượng không khí tại một số đô thị như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh có nhiều thời điểm ở mức xấu với chỉ số AQI từ 150 đến 200, có khi vượt 200 tương đương mức rất xấu. Nguy hại nhất là bụi mịn gồm những hạt nhỏ bay lơ lửng trong không trung như PM2.5 khi thâm thấu qua đường hô hấp sẽ là nguyên nhân tiềm ẩn của hàng loạt các căn bệnh đột quỵ, bệnh tim, ung thư phổi, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính và các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng. Các ngành công nghiệp, giao thông vận tải và nhà máy nhiệt điện chạy than cùng với việc sử dụng nhiên liệu rắn là các nguồn chủ yếu gây ra ô nhiễm không khí. Ô nhiễm không khí tiếp tục gia tăng với tốc độ đáng báo động và ảnh hưởng tới nền kinh tế và chất lượng cuộc sống của con người.

Sáu là, ô nhiễm xuyên biên giới chưa thể kiểm soát

Vấn nạn nhập phế liệu, rác thải công nghiệp về Việt Nam đang nâng lên mức báo động đỏ từ nhiều năm nay. Các chuyên gia đã đưa ra những khuyến nghị, cảnh báo về mức độ nguy hiểm cho vấn đề này. Tuy nhiên, những biện pháp quản lý, ngăn ngừa vẫn không đạt hiệu quả như mong muốn. Năm 2017, tổng lượng phế liệu nhập khẩu về Việt Nam ước tính hơn 6,5 triệu tấn, tăng hơn 1,8 triệu tấn so với năm 2016. Theo số liệu thống kê của Cục Hàng hải Việt Nam, tính đến giữa tháng 9 năm 2018, khối lượng phế liệu nhập khẩu tồn đọng tại các cảng biển khu vực: Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu là gần 8.900 container. Riêng khu vực cảng biển Hải Phòng có tới gần 5.800 container phế liệu [15].

Bên cạnh đó, Việt Nam còn chịu ảnh hưởng của ô nhiễm nguồn nước xuyên biên giới; 2/3

lượng nước về Việt Nam là nước quá cảnh từ nước ngoài chảy vào. Hiện Việt Nam chịu rủi ro về lượng nước, chất lượng nước rất lớn do các quốc gia thượng nguồn gia tăng các hoạt động thủy điện trên dòng chính sông Hồng, sông Mê Kông, trong khi đó các hồ chứa thủy điện và hồ chứa thượng nguồn chỉ có thể kiểm soát được 20% tổng lượng nước chảy vào Việt Nam. Sự tranh chấp nguồn nước có thể leo thang thành mối đe dọa đến hoà bình và ổn định. Xung đột liên quan đến nước sẽ căng thẳng hơn trong tương lai gần, nguồn nước sẽ trở nên khan hiếm hơn do bùng nổ dân số, do ô nhiễm và do nhu cầu sử dụng nước tăng nhanh.

Bảy là, sa mạc hóa và suy thoái đất

Đây là vấn đề có ảnh hưởng lớn và nghiêm trọng đến phát triển bền vững, an toàn sinh thái, an ninh xã hội và an ninh lương thực... Ở Việt Nam hiện nay, suy thoái đất được phân chia thành 4 mức độ: mức 1 là nhóm diện tích đất có nguy cơ suy thoái, khoảng 6,7 triệu ha; mức 2 là nhóm diện tích đất có dấu hiệu suy thoái, khoảng 2,4 triệu ha; mức 3 là nhóm diện tích đất đã bị suy thoái, khoảng 1,3 triệu ha; mức 4 là nhóm diện tích sa mạc, hình thành từ nhóm thứ 3, có diện tích không đáng kể. Sa mạc hóa ngày nay không chỉ ở vùng khô hạn mà còn lan ra ở vùng mưa và ẩm, do việc sử dụng tài nguyên đất không hợp lý [5].

Theo đánh giá của các tổ chức môi trường quốc tế, năng lực quản lý môi trường của Việt Nam thuộc diện thấp; chỉ số năng lực quản lý môi trường của Việt Nam tại thời điểm năm 2020 là 33,4/100, xếp thứ 141/180 trên thế giới, dù đã có nhiều sự chuyển biến tích cực trong công tác quản lý và phát triển kinh tế theo hướng bền vững; trong 11 quốc gia tại khu vực Đông

Nam Á, chỉ số EPI¹ của Việt Nam chỉ xếp trên duy nhất Myanmar và dưới mức trung bình của khu vực (40,4) [15], đã làm cho vấn đề ô nhiễm môi trường càng trở nên nghiêm trọng trong những năm gần đây đe dọa đến an ninh môi trường quốc gia.

3.2. Quan điểm của Đảng về bảo đảm an ninh môi trường

Quan điểm của Đảng ta về bảo vệ môi trường, ANMT xuyên suốt quá trình lãnh đạo, xây dựng đất nước; Đảng ta luôn khẳng định bảo vệ môi trường là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và mọi công dân.

Qua 35 năm đổi mới đất nước, Đảng ta đã có một hệ thống các quan điểm về BVMT, ANMT xuyên suốt, nhất quán đồng thời thường xuyên tổng kết, bổ sung, hoàn thiện các quan điểm cho phù hợp với thực tiễn phát triển đất nước cũng như xu thế thời đại. Những nội dung này được thể hiện rõ trong các Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc; trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991, sửa đổi, bổ sung năm 2011; trong các Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 1991 - 2000, 2001 - 2010, 2011 - 2020, 2021 - 2030; Chỉ thị số 36-CT/TW, ngày 25-6-1998, của Bộ Chính trị “Về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”; Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị, ngày 15-11-2004, “Về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước”; Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 3-6-2013, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về chủ động ứng phó với biến

đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường”.

Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII đã chỉ rõ: “Xây dựng hệ thống và cơ chế giám sát tài nguyên, môi trường và biến đổi khí hậu; dự báo, cảnh báo thiên tai, ô nhiễm và thảm họa môi trường, dịch bệnh. Có kế hoạch khắc phục căn bản tình trạng hủy hoại, làm cạn kiệt các nguồn tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường của các cơ sở sản xuất, các khu công nghiệp, khu đô thị. Cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của nhân dân. Tập trung xử lý chất thải, thúc đẩy tái sử dụng, tái chế và sản xuất thu hồi năng lượng từ chất thải gắn với hình thành chuỗi sản xuất tiếp nối, liên tục” [1; tr 154].

Từ những quan điểm, nhận định của Đảng về bảo vệ môi trường, ANMT, Nhà nước ta đã luôn hoàn thiện, cụ thể hóa hệ thống chính sách pháp luật về môi trường như Luật Bảo vệ môi trường; Luật Tài nguyên nước; Luật Phòng chống thiên tai; Luật Đa dạng sinh học... hay các chương trình, đề án, hoạt động cụ thể như Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia; Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam; Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu...

Quan điểm xuyên suốt của Đảng ta là thúc đẩy phát triển bền vững, nhấn mạnh trách nhiệm của các chủ thể trong BVMT từ hệ thống chính trị đến toàn xã hội, từng công dân. Bên cạnh đó, Đảng cũng chú trọng kiểm soát ô nhiễm môi trường; khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý và hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu... Các quan điểm này có sự phát triển và

¹ Chỉ số hiệu quả môi trường (Environmental Performance Index - EPI) là một loại chỉ số tổng hợp được Trung tâm Chính sách và Luật Môi trường Yale (YCELP) thuộc Đại học Columbia xây dựng với mục đích đánh giá tính bền vững về môi trường tại các quốc gia trên thế giới.

thay đổi qua từng giai đoạn phù hợp với thực tế phát triển và được thể chế hóa vào các quy định của pháp luật. Thể hiện rõ nhất ở việc ra đời các luật mới liên quan đến tài nguyên nước, phòng chống thiên tai, đa dạng sinh học, khoáng sản, biển, tài nguyên môi trường biển và hải đảo, lâm nghiệp... đặc biệt là việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Luật Bảo vệ môi trường và Luật Tài nguyên nước.

Luật Bảo vệ môi trường đã được bổ sung, sửa đổi 4 lần thể hiện sự chuyển hóa rõ rệt quan điểm bảo vệ môi trường, từ quy định chung đã chuyển sang chủ động kiểm soát ô nhiễm môi trường, tăng cường vai trò của Nhà nước, cộng đồng trong bảo vệ môi trường; “lấy bảo vệ sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu”, “bảo đảm mọi người đều có quyền được sống trong môi trường trong lành”. Đặc biệt là, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thể hiện được tư duy quản lý không hy sinh môi trường để đổi lấy tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường không chỉ là phòng ngừa, kiểm soát, xử lý chất thải mà các hoạt động sản xuất, phát triển phải hài hòa, đã bổ sung được nhiều giải pháp bảo vệ các môi trường thành phần đặc biệt là môi trường không khí, môi trường nước.

Luật Tài nguyên nước đã qua 2 lần bổ sung, sửa đổi và hiện nay đang trình Quốc hội để sửa đổi Luật Tài nguyên nước năm 2012 theo hướng ngày càng coi trọng và phát triển bền vững tài nguyên nước, coi tài nguyên nước là một dạng hàng hóa và trở thành tài nguyên quý của quốc gia. Trong dự thảo sửa đổi lần này, đã bổ sung chính sách về bảo đảm an ninh tài nguyên nước, đặc biệt là đảm bảo an ninh nước cho sinh hoạt, hướng đến chỉ số bảo đảm an ninh tài nguyên

nước quốc gia ngang bằng với các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

4. Kết luận và một số khuyến nghị

Kết luận

An ninh môi trường luôn được xác định là vấn đề có tính thời sự trong điều kiện phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta. Đảm bảo an ninh môi trường là đảm bảo điều kiện sống cho con người, góp phần quan trọng vào việc ổn định xã hội, thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế. Ngược lại an ninh môi trường bị xâm hại sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới lợi ích của người dân, tạo ra xung đột xã hội giữa người dân với doanh nghiệp, xung đột người dân với chính quyền, xung đột giữa các quốc gia có cùng lợi ích trong khai thác và sử dụng tài nguyên, gây ra những bất ổn xã hội, ảnh hưởng đến quan hệ đối ngoại, đến an ninh quốc gia, kiềm chế sự phát triển kinh tế, xã hội.

Bảo vệ môi trường nói chung và an ninh môi trường nói riêng luôn là vấn đề được Đảng và Nhà nước quan tâm. Hệ thống quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường đã dần được bổ sung, hoàn thiện và phát triển. Đảng luôn tập trung chỉ đạo bảo vệ môi trường sống, môi trường sinh thái và mục tiêu bảo vệ môi trường là vì sức khỏe của nhân dân, vì mục tiêu phát triển con người Việt Nam. Nội dung về quản lý tài nguyên, khai thác và sử dụng hợp lý, tiết kiệm và bền vững tài nguyên là nhiệm vụ xuyên suốt. Công tác bảo vệ rừng, trồng rừng và bảo tồn đa dạng sinh học có nhiều chuyển biến tích cực; luôn “Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, sẵn sàng phòng chống thiên tai kịp thời, hiệu quả”. Hoạt động xử lý, khắc phục ô nhiễm, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường luôn được quan tâm.

Tuy nhiên, để thực hiện tốt hơn nữa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đảm bảo an ninh môi trường cần tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã đặt ra một cách hiệu quả và phù hợp với sự thay đổi của thực tiễn qua từng giai đoạn phát triển của đất nước.

Một số khuyến nghị

Quản lý an ninh môi trường không chỉ là vấn đề đảm bảo an ninh môi trường đơn thuần mà có tác động, ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh quốc gia, đến quá trình phát triển bền vững của đất nước trong thời gian tới. Để đáp ứng yêu cầu này, trước hết phải thực hiện tốt công tác quản lý an ninh môi trường theo các nội dung chính sau:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường, nâng cao nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu các cấp về vấn đề môi trường. Những vấn đề về bảo đảm an ninh môi trường cần các cấp, các ngành từ trung ương đến cơ sở phải được nhận biết “từ sớm, từ xa, từ cơ sở”. Thể chế hóa trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ BVMT đối với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và người đứng đầu; đưa yêu cầu về BVMT vào công tác đánh giá thi đua, khen thưởng. Trong BVMT phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ của các cấp ủy đảng, chính quyền, khắc phục khuynh hướng lãnh đạo ưu tiên cho tăng trưởng kinh tế mà xem nhẹ yêu cầu BVMT.

Hai là, thực hiện hiệu quả nhiệm vụ quản lý nhà nước về môi trường, trước hết cần hiện thực hóa sớm đưa Luật Bảo vệ môi trường 2020 vào cuộc sống xã hội. Tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của các cơ quan chuyên trách về bảo vệ môi trường, đổi mới cơ chế quản lý tài nguyên thiên nhiên và đảm bảo ANMT; loại bỏ

những quy định không phù hợp, những quy định chưa đầy đủ hoặc gây cản trở hoạt động của cơ quan bảo vệ môi trường; đồng thời bổ sung những quy định nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội mới phát sinh trong quản lý nhà nước về an ninh môi trường.

Ba là, nâng cao vai trò giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội, của cộng đồng dân cư, để nâng cao vai trò, trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội, của cộng đồng dân cư trong việc tham gia quản lý, BVMT, chống lại các hành vi làm ảnh hưởng xấu đến môi trường, cần tăng cường sự phối hợp giữa ngành tài nguyên - môi trường, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư. Theo đó, đội ngũ chuyên gia của ngành môi trường cần trực tiếp xuống cơ sở (cấp xã, phường, thôn) đào tạo, bồi dưỡng, trang bị kiến thức về an ninh môi trường và pháp luật cho các tổ chức chính trị - xã hội và các hội viên. Có như vậy, mới nâng cao được năng lực giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội và hội viên trong vấn đề bảo vệ môi trường.

Bốn là, thực hiện nghiêm túc chương trình trồng rừng theo mục tiêu, rừng có vai trò rất quan trọng đối với cuộc sống của con người cũng như đảm bảo cho các vấn đề an ninh môi trường. Vì vậy tỷ lệ đất có rừng che phủ của một quốc gia là một chỉ tiêu an ninh môi trường quan trọng (diện tích đất có rừng đảm bảo an toàn môi trường của một quốc gia tối ưu là 45% tổng diện tích). Mối quan hệ của rừng và cuộc sống đã trở thành một mối quan hệ hữu cơ. Không có một dân tộc, một quốc gia nào không biết rõ vai trò quan trọng của rừng trong cuộc sống. Vai trò của rừng trong việc bảo vệ môi trường đang trở thành vấn đề thời sự và lôi cuốn sự quan tâm của toàn thế giới.

Năm là, cần tận dụng tối đa tính năng vốn có trong sử dụng tài nguyên thiên nhiên từ bề rộng sang bề sâu, phát triển nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải khí nhà kính. Khắc phục tình trạng tiêu xài phung phí nguồn tài nguyên thiên nhiên không tái tạo được (các nguyên, nhiên liệu hóa thạch).

Sáu là, tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế, vấn đề an ninh môi trường không chỉ là của riêng một quốc gia nào trên thế giới mà là của nhân loại. Việt Nam cần tiếp tục duy trì và tăng cường hợp tác với chính phủ các nước, đặc biệt là các nước có chung đường biên giới với Việt Nam nhằm tìm kiếm tiếng nói chung

trong đảm bảo an ninh môi trường. Đặc điểm của nước ta có nhiều sông ngòi bắt nguồn từ nước ngoài, nếu không có sự hợp tác để chia sẻ và bảo vệ nguồn nước đối với các dòng sông này thì chúng ta hoàn toàn có thể hứng chịu những tổn thất nặng nề từ mất an ninh môi trường nguồn nước.

Bảy là, tăng cường các giải pháp trong chủ động ứng phó với BĐKH, nghiên cứu ứng dụng các giải pháp công trình và phi công trình có tính vĩ mô, đảm bảo tính liên kết vùng trong ứng phó với BĐKH; hạn chế tối đa các giải pháp có tính cục bộ địa phương, thiếu tính liên kết vùng trong chủ động ứng phó với BĐKH./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập 1.
2. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2021), *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016 - 2020*.
3. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2019), *Báo cáo tổng kết công tác chỉ đạo, điều hành phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, bảo đảm nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh khu vực ĐBSCL mùa khô năm 2019 - 2020*.
4. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2020), *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 2019 - Quản lý chất thải rắn sinh hoạt*.
5. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2020), *Thực trạng ô nhiễm không khí ở Việt Nam*. <https://monre.gov.vn...> cập nhật 06/9/2021.
6. Tổng cục Khí tượng Thủy văn (Bộ TN&MT) (2021), *8 vấn đề môi trường cấp thiết cần được ưu tiên giải quyết?* <http://vmha.gov.vn> > 8-van-de-moi-truong-cap-thiet-can-... cập nhật 25/02/2023.
7. Tổng cục Thống kê (2022), *Niên giám thống kê 2021*.
8. Hội nông dân Việt Nam (2022), *Mỗi năm nước ta suy giảm khoảng 2.500ha rừng*; <http://hoionongdan.org.vn> > sitepages > news > moi-nam... 10 thg 3, 2022 cập nhật 26/02/2023.
9. Lê Thị Thanh Hà (2021), *An ninh môi trường - thành tố quan trọng của an ninh quốc gia*; <https://tuyengiao.vn> cập nhật ngày 26/02/2023.
10. Trần Ngọc Ngoạn (2021), *Triển khai nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo các nghị quyết của Đảng*, Tạp chí Nghiên cứu Địa lý nhân văn, số 3/2021.
11. https://epi.yale.edu/sites/default/files/files/VNM_EPI2020_CP.pdf, cập nhật ngày 07/02/2023.
12. moitruongvadothi.vn; <http://quanly.moitruongvadothi.vn> > Dien-tich-rung-ngap-man-o-Viet-Nam-dang-bi-thu-hep-nghiem... 3 thg 11, 2022, cập nhật 24/5/2023.
13. consosukien.vn, <https://consosukien.vn> > chung-tay-ba-o-ve-ta-i-sinh-r..., cập nhật 24/5/2023.
14. Báo Tài nguyên và Môi trường, *Suy giảm đa dạng sinh học tại Việt Nam đang tăng theo thời gian*, <https://baotainguyenmoitruong.vn> > cập nhật 27/02/2023.
15. <https://quochoi.vn> > pages > tin-hoat-dong-dai-bieu; *ngăn chặn nguy cơ cảng biển Việt Nam thành bãi rác công* ...ngày 13 thg 10, 2018; cập nhật 23/5/2023.

Thông tin tác giả:

Trần Ngọc Ngoạn - Viện Địa lý nhân văn
Địa chỉ : 176 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội
Email: ngoantrandnv@yahoo.com; Điện thoại: 0913237204

Nhật ký tòa soạn

Ngày nhận bài: 18/6/2023
Biên tập: 6/2023